TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT
Ngày: 24/10/2019
V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích**

Ông **Vũ Thanh Tuấn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Đàm Thị Hạnh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Thu N – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Địa chỉ: Phố T, khu Y, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương – Ông Nguyễn Mạnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Phó Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương – Ông Nguyễn T. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.2. Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1965. (Có mặt)

Đơn vị công tác: Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2016/DSST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện T (TAND huyện T), ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn H, bà Vũ Thị M số tiền 967.940.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực, ông H, bà M có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 27/7/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện T (Chi cục THADS huyện T) ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 513/QĐ-CCTHADS với nội dung buộc vợ chồng ông K, bà G phải trả vợ chồng ông số tiền 967.940.000 đồng.

Ngày 20/11/2016 và 24/11/2016, ông H, bà M có Đơn đề nghị áp dụng biện pháp bảo đảm cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai (VKSND tỉnh Gia Lai) bồi thường oan sai cho bà G qua tài khoản của ông K mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Hải Dương (Agribank Hải Dương).

Ngày 21/12/2016, Chấp hành viên Chi cục THADS huyện T ban hành Quyết định phong tỏa tài khoản số 01/QĐ-CCTHA phong tỏa tài khoản của ông K tại Agribank Hải Dương với số tiền phong tỏa là 850.125.800 đồng.

Ngày 29/12/2016, Chấp hành viên Chi cục THADS huyện T đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHA về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản đối với ông K nêu trên.

Ngày 03/01/2016, ông H có đơn khiếu nại Quyết định về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản. Ngày 24/01/2017, Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 20/QĐ-CCTHADS với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông H. Không chấp nhận quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên ông H và tiếp tục khiếu nại lên Cục trưởng Cục THADS tỉnh Hải Dương. Ngày 31/3/2017, Cục trưởng Cục THADS tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐGQKN-CTHADS chấp nhận khiếu nại của ông H, bà M hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 24/01/2017 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T.

Ngày 20/11/2016 và ngày 24/11/2016, vợ chồng ông có đơn đề nghị Chấp hành viên phong tỏa tài khoản của ông K với số tiền 850.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Hải Dương.

Ngày 21/12/2016, Chi cục thi hành án ra Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS phong tỏa tài khoản số 23000020548.1880 của ông K với số tiền

850.125.600 đồng. Ngày 29/12/2016, chấp hành viên Đỗ Văn D đã ra quyết định số 01/QĐ-CCTHADS chấm dứt phong tỏa tài khoản của ông K. Sau khi chấm dứt phong tỏa tài khoản, ông K rút toàn bộ tiền trong tài khoản ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Vợ chồng ông đã khiếu nại việc chấp hành viên đã ra Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản. Ngày 24/01/2017, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 20/QĐ-CCTHADS bác yêu cầu khiếu nại của vợ chồng ông. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, vợ chồng ông tiếp tục khiếu nại đến Cục thi hành án tỉnh Hải Dương. Ngày 31/3/2017, Cục trưởng Cục thi hành án tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐGQKN-CTHADS chấp nhận khiếu nại của vợ chồng ông hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 20/QĐ-CCTHADS ngày 24/01/2017 của Chi cục THADS huyện T.

Ông H, bà M có đơn đề ngày 04/12/2017 yêu cầu Chi cục THADS huyện T bồi thường. Sau khi thụ lý yêu cầu, ngày 24/9/2018, Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T ban hành Quyết định số 714/QĐ-CCTHADS không chấp nhận yêu cầu bồi thường.

Nguyên đơn là ông H trình bày: Sau khi Chi cục THADS huyện T chấm dứt phong tỏa tài khoản của ông K, ông K đã rút toàn bộ số tiền trong tài khoản gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà nên ông bà đã yêu cầu Chi cục THADS huyện T bồi thường nhưng không được chấp nhận.

Do đó ông H khởi kiện yêu cầu Chi cục THADS huyện T bồi thường thiệt hại cho gia đình ông theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước bao gồm các khoản sau: Thiệt hại trực tiếp 390.122.000 đồng; Các thiệt hại vật chất khác gồm: Tiền xăng xe máy khiếu nại, khởi kiện 20 ngày x 50.000 đồng bằng 1.000.000 đồng; Tiền công lao động trong những ngày đi khiếu nại, khởi kiện 20 ngày x 200.000 đồng/ngày bằng 4.000.000 đồng; Tiền trả lãi 1% hàng tháng đối với số tiền 390.122.000 đồng là 23 tháng x 390.122.000 x 1% bằng 89.728.000 đồng; Tổn thất tinh thần là 30 tháng lương cơ bản x 1.390.000 đồng/tháng bằng 41.700.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 526.550.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng ông không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M nhất trí với quan điểm của ông H.

Đại diện của bị đơn trình bày: Theo bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2016/DSST ngày 26/5/2016 của TAND huyện T thì ngoài khoản tiền 967.940.000đ vợ chồng ông K, bà G có nghĩa vụ trả cho ông H, bà M thì ông K, bà G còn có nghĩa vụ trả nợ tiền, tài sản cho một số cá nhân khác trên địa bàn huyện T và tỉnh Gia Lai với số tiền hơn 1,2 tỷ đồng.

Sau khi Chi cục THADS huyện T ra quyết định phong tỏa tài khoản của ông K thì ngày 26/12/2016 ông K đưa bà G đến trụ sở Chi cục THADS huyện T

và bỏ mặc bà G ở lại trong tình trạng sức khỏe không được tốt, bà G nằm bất động không có phản ứng gì (Bà G đã có thẻ và hồ sơ bệnh thần kinh).

Trước sự việc nêu trên, Chấp hành viên đã tiến hành lập biên bản ghi lại sự việc và tình hình sức khỏe của bà G để làm căn cứ và chuyển bà G vào bệnh viện (lúc này tình trạng sức khỏe của bà G rất nguy kịch). Ngày 28/12/2016, VKSND huyện T có văn bản số 78/VKS-BC với nội dung cần chấm dứt việc phong tỏa tài khoản của ông K. Nhận thấy rằng số tiền trong tài khoản của ông K là tiền bà G được đền bù do oan sai, mục đích để bồi thường danh dự, nhân phẩm, chữa bệnh, mua thuốc và ổn định cuộc sống cho bà G. Sự việc xảy ra là tình thế cấp thiết, bất khả kháng, ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của bà G nên Chấp hành viên đã ra quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản của ông K.

Ông H, bà M có đơn yêu cầu bồi thường và đã được Chi cục THADS huyện T thụ lý. Quá trình giải quyết yêu cầu, ông H, bà M không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình. Chi cục THADS huyện T đã tiến hành xác minh theo quy định, làm việc với các bên có liên quan đồng thời tiến hành thỏa thuận với ông H về số tiền bồi thường nhưng không được. Do đó Chi cục THADS huyện T không chấp nhận yêu cầu bồi thường cũng như yêu cầu khởi kiện của ông H, bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông D nhất trí với quan điểm của đại diện Chi cục THADS huyện T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng các Điều 147, 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, 6, 7, 12, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 32, 52 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật phí, lệ phí năm 2015. Xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H buộc bị đơn phải trả tiền tổn thất tinh thần là 30 tháng lương x 1.390.000 đồng/tháng bằng 41.700.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bị đơn phải bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 484.850.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/5/2019, ông H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, buộc Chi cục thi hành án dân sự huyện T bồi thường số tiền 484.850.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông H, bà M và luật sư N trình bày ông H vẫn giữ kháng cáo, chỉ yêu cầu bồi thường 03 khoản gồm tiền đi lại, mất thu nhập và thiệt hại trực tiếp không được thi hành án. Về khoản tiền khấu trừ thì ông H và luật sư N không

đưa ra được con số cụ thể đồng thời thừa nhận số tiền 390.122.000đ đã yêu cầu ở giai đoạn sơ thẩm là cao và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của Chi cục THADS huyện T là ông T và ông D đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chi cục THADS huyện T cho rằng ông H yêu cầu bồi thường tiền đi lại trong 20 ngày là nhiều. Ông T xác định ông H đến Chi cục THADS huyện T làm việc theo giấy báo 07 lần, còn một số lần ông H tự đến nộp đơn, cung cấp tài liệu và làm việc các cơ quan khác nên không xác định được số ngày cụ thể, đề nghị HĐXX tính toán ở mức tương đối.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm và quyết định về nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông H trong thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS nên là kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung, xét kháng cáo của ông H thì thấy:

[1] Về quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản số 01 ngày 29/12/2016 thì cả nguyên đơn, bị đơn, Cục THADS tỉnh Hải Dương; Tổng Cục THADS đều xác định việc Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản không đúng với khoản 1 điều 77 Luật thi hành án dân sự. Cấp sơ thẩm đánh giá chấm dứt phong tỏa tài khoản không phải là biện pháp đảm bảo thi hành án vì không được quy định trong điểm a khoản 3 điều 66 Luật THADS nên không thuộc khoản 1 điều 21 Luật bồi thường nhà nước và Bị đơn không phải bồi thường. Cấp phúc thẩm nhận thấy Quyết định phong tỏa tài khoản là biện pháp đảm bảo thi hành án thì Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản đương nhiên là biện pháp bảo đảm thi hành án nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về vấn đề này.

Bản án sơ thẩm nhận định việc chấm dứt phong tỏa tài khoản nhằm bảo vệ tính mạng cho bà G nên theo điểm c khoản 1 điều 32 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước thì bị đơn không phải bồi thường. Vấn đề này cấp phúc thẩm nhận thấy theo biên bản xác minh tình trạng của bà G tại Bệnh viện Thần kinh Gia Lộc, bà G mắc bệnh rối loạn phân ly hỗn hợp, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi giảm không thuộc trường hợp nguy hiểm cao đến tính mạng. Do

vậy chưa đủ căn cứ để áp dụng điểm c khoản 1 điều 32 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước để bị đơn không phải bồi thường.

Về phía Cục THADS tỉnh Hải Dương và Tổng Cục THADS cũng đã xác định Chi cục THADS huyện T chấm dứt phong tỏa tài khoản không có căn cứ và yêu cầu Chi cục THADS huyện T thương lượng, bồi thường cho người bị thiệt hại đúng quy định của Luật bồi thường nhà nước.

Với các căn cứ, lập luận trên cấp phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và xác định Chi cục THADS huyện T ra quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản không đúng pháp luật, phải có trách nhiệm bồi thường theo Luật bồi thường nhà nước.

[2] Về việc xác định thiệt hại của nguyên đơn, cấp sơ thẩm xác định quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản không gây bất kỳ thiệt hại nào cho nguyên đơn. Nguyên đơn tại giai đoạn sơ thẩm và kháng cáo chỉ đề nghị bồi thường ba khoản: Đi lại, mất thu nhập và thiệt hại về tài sản. Cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu khoản đi lại trong 20 ngày bằng 1.000.000đ; bị đơn không đồng ý về số ngày nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên HĐXX chấp nhận 20 ngày do nguyên đơn đưa ra. Xét thấy với thời gian 20 ngày và quãng đường từ nhà nguyên đơn đến Chi cục THADS huyện T khoảng 10 km, đối chiếu Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính thì có căn cứ chấp nhận khoản tiền này.

[2.2] Về khoản thu nhập bị mất, nguyên đơn yêu cầu 20 ngày x 200.000đ/ngày = 4.000.000đ. Xét thấy bị đơn không có ý kiến gì đối với số ngày. Địa phương cung cấp thu nhập bình quân 3.500.000đ/tháng bằng khoảng 120.000đ/ ngày nên cấp phúc thẩm tính 20 ngày x 120.000đ/ ngày = 2.400.000đ.

[2.3] Về tài sản bị thiệt hại:

Mặc dù Chấp hành viên ban hành Quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản thiếu căn cứ và ông H, bà M không được thi hành khoản tiền 967.940.000đ nhưng ông H, bà M không bị mất khoản tiền trên; ông H bà M vẫn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án buộc ông K, bà G phải trả 967.940.000 đồng. Trong trường hợp ông K, bà G chậm thi hành án, ông H, bà M còn có quyền yêu cầu ông K, bà G phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Thực tế trong vụ án này do không được thi hành án nên ông H phải vay nợ với lãi suất cao hơn lãi suất nợ quá hạn và khoản chênh lệch giữa hai lãi suất là thiệt hại của ông H.

Vấn đề đặt ra cần xác định nếu Chi cục THADS huyện T không chấm dứt phong tỏa tài khoản thì ông H được thi hành là bao nhiêu trong khi khoản tiền 850.000.000đ là tiền bà G được bồi thường do oan sai, phải khấu trừ khoản tiền cho bà G đảm bảo cuộc sống tối thiểu và thuốc men chữa bệnh. Mặt khác ngoài số tiền 967.940.000đ phải thanh toán cho ông H, bà M thì bà G và ông K còn phải thanh toán cho ông Bộ, bà Nhung và các chi phí thi hành án. Bị đơn trình

bày không xác định được cụ thể số tiền này. Cấp phúc thẩm thấy rằng Cục THADS tỉnh Hải Dương xác định tổng số tiền ông K, bà G phải thi hành là 1.341.504.000đ. Tổng Cục THADS khi xem xét không có ý kiến gì về khoản tiền này như khoản khấu trừ. Do đó xác định tổng số tiền ông K, bà G phải thi hành cho 03 bản án và các chi phí khác là 1.341.504.000đ.

Khoản khấu trừ của bà G từ tài khoản của ông K để thi hành án cho ông H, Luật Thi hành án dân sự không có quy định cụ thể. Bị đơn trình bày không xác định được là bao nhiêu. Khi giải quyết khiếu nại Cục THADS tỉnh Hải Dương đưa ra số tiền 471.500.000đ nhưng Tổng Cục THADS cho rằng số tiền này chưa có cơ sở, tuy nhiên cũng không hướng dẫn Chi cục THADS huyện T xác định là bao nhiêu. Nguyên đơn đưa ra số tiền 390.122.000đ (tương đương 540.709.632đ khấu trừ), bị đơn không đưa ra được căn cứ phản bác trong khi rõ ràng ông H bị thiệt hại và phải được bồi thường. Do vậy cấp phúc thẩm thấy cần xác định số tiền cần khấu trừ để thi hành án là ½ của số tiền bà G có trong tài khoản 850.000.000đ bằng 425.000.000đ để tính toán thiệt hại cho ông H.

Do không có văn bản pháp luật quy định cụ thể và các bên không đưa ra cách tính thiệt hại nên cấp phúc thẩm tính toán ở mức tương đối cụ thể như sau:

- Tổng số tiền ông K, bà G phải thi hành 3 bản án: 1.341.504.000đ; trong đó bà G phải thi hành ½ số tiền bằng 670.752.000đ.

- Số tiền ông K, bà G phải thi hành cho ông H, bà M là 967.940.000đ; trong đó bà G phải thi hành ½ số tiền bằng 483.970.000đ.

Như vậy bà G phải thi hành án cho ông H, bà M với tỷ lệ % là: 483.970.000đ/670.752.000đ x 100% = 72,15%.

- Số tiền cần khấu trừ của bà G trong tổng số 850.000.000đ để thi hành án là 425.000.000đ.

- Số tiền ông H, bà M đáng lẽ được thi hành án nếu không chấm dứt phong tỏa tài khoản 425.000.000đ x 72,15% = 306.637.500đ.

Theo nguyên đơn trình bày do không nhận được tiền thi hành án, ông H, bà M phải đi vay tiền hơn 1,6 tỷ đồng với lãi suất 1% /tháng để trả tiền vay trước khi cho vợ chồng ông K vay nợ. Tuy nhiên cấp phúc thẩm chỉ chấp nhận số tiền vay tương ứng khoản đáng lẽ được thi hành 306.637.500đ với lãi suất 1% /tháng tương đương 12% /năm đối trừ đi khoản 306.637.500đ lãi suất nợ quá hạn 9% /năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam) tính từ ngày phát sinh thiệt hại thực tế cho đến ngày có văn bản giải quyết bồi thường có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền (theo khoản 4 điều 28 Luật bồi thường nhà nước) tức là tính từ tháng 1/2017 đến tháng 10/2019 bằng 34 tháng. Thiệt hại về tài sản được tính như sau: 306.637.500đ x 3%/12 (lãi suất 1 tháng) x 34 tháng = 26.064.187đ.

Như vậy tổng số tiền bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn là:

1.000.000đ + 2.400.000đ + 26.064.187đ = 29.464.187đ.

Từ những phân tích trên thì thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích như trên.

[3] Về tình tiết ông K đưa bà G đến trụ sở Chi cục THADS huyện T gây sức ép để chấm dứt phong tỏa tài khoản thì nguyên đơn không có lỗi nên không khấu trừ bồi thường mà chỉ được đánh giá khi xem xét trách nhiệm, nghĩa vụ hoàn trả của Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt phong tỏa tài khoản.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 76 Luật Bồi thường nhà nước, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và Chi cục THADS huyện T. Do sửa bản án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 BLTTDS.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Căn cứ các Điều 147, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6, 7, 12, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 52, 76 Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương bồi thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị M 1.000.000đ tiền đi lại; 2.400.000đ tiền mất thu nhập và 26.064.187 thiệt hại trực tiếp. Tổng là **29.464.187đ** *(Hai mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng)*.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hải Dương. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 24/10/2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đăng Huy